TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

Số: 2109 /TB- ĐHYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả tuyển dụng viên chức đợt 2 năm 2023 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ quy định về Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 1565/KH-ĐHYDCT ngày 03 tháng 7 năm 2023 về kế hoạch tuyển dụng viên chức đợt 2 năm 2023 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Căn cứ nội dung thống nhất theo Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng thông qua kết quả điểm xét tuyển vòng 2, kỳ tuyển dụng viên chức đợt 2 năm 2023 như sau:

Kết quả điểm xét tuyển: theo danh sách đính kèm

Kết quả điểm xét tuyển vòng 2, kỳ tuyển dụng viên chức đợt 2 năm 2023 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (www.ctump.edu.vn) và niêm yết công khai tại trụ sở của Trường, số 179 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Mọi thắc mắc liên hệ qua số điện thoại 0292 3739810 (Phòng Tổ chức cán bộ)

Hội đồng tuyển dụng viên chức đợt 2 năm 2023 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thông báo đến ứng viên được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận
- Ứng viên;
- Hội đồng tuyển dụng;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCCB.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Trung Kiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC ĐỢT 2 NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số 2109/TB-ĐHYDCT ngày 11 tháng 9 năm 2023)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	CDNN	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm TB	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
01	Trần Hoàng Lan Anh	08/08/2001	Nữ	Kinh	Sóc Trăng	Chuyên viên	P.ĐBCL	Không	39.3		39.3
02	Phan Thị Hà	10/05/1987	Nữ	Kinh	Hậu Giang	Chuyên viên	P.ĐBCL	Không	63.3		63.3
03	Dương Đào Ngọc Hên	23/03/1999	Nữ	Kinh	Cần Thơ	Chuyên viên	P.ĐBCL	Không			Vắng
04	Hà Thị Ngọc Hương	01/03/1999	Nữ	Kinh	Vĩnh Long	Chuyên viên	P.ĐBCL	Không	80.3		80.3
05	Đặng Hoàng Nam	03/02/1986	Nam	Kinh	Kiên Giang	Chuyên viên	P.ĐBCL	Không	39.3		39.3
06	Vũ Thị Cao Nguyên	06/09/1989	Nữ	Kinh	Hà Nội	Chuyên viên	P.ĐBCL	Không	79.0		79.0
07	Huỳnh Thị Nhung	07/08/1990	Nữ	Kinh	Sóc Trăng	Chuyên viên	P.ĐBCL	Con của người được hưởng chính sách như thương binh			Vắng
08	Nguyễn Thị Lệ Thu	25/05/1999	Nữ	Kinh	An Giang	Chuyên viên	P.ĐBCL	Không	85.3		85.3
09	Lê Trần Thị Cẩm Thuý	16/10/1985	Nữ	Kinh	Bình Định	Chuyên viên	P.ĐBCL	Không	79.7		79.7
10	Nguyễn Lê Thiện Anh	16/12/1997	Nữ	Kinh	Sóc Trăng	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	Không	65.8		65.8
11	Nguyễn Thị Kim Diệu	25/01/1987	Nữ	Kinh	Hậu Giang	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	Không			Vắng
12	Bùi Thị Duyên	10/02/1989	Nữ	Thổ	Nghệ An	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	Dân tộc: Thổ; con của người nhiễm chất độc da cam			Vắng
13	Ngô Thùy Dương	19/02/1990	Nữ	Kinh	Hậu Giang	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	Không			Vắng
14	Nguyễn Thị Hòa	22/05/1991	Nữ	Kinh	Hải Dương	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	Không	60.5		60.5
15	Nguyễn Thị Thanh Mai	01/01/1980	Nữ	Kinh	Sóc Trăng	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	Không	70.3		70.3
16	Viên Thị Hải Ngọc	9/02/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hoá	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	Không			Vắng
17	Nguyễn Thị Huyền Trân	30/03/2001	Nữ	Kinh	An Giang	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	Không	67.0		67.0
18	Mouhamet Yrahim	11/7/1993	Nam	Ấn	Cần Thơ	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán	Dân tộc Ấn	74.8	5	79.8

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	CDNN	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm TB	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
19	Phan Trần Đặng Quốc Anh	09/05/1983	Nam	Kinh	Cần Thơ	Giảng viên	Bộ môn Giáo dục thể chất, Khoa khoa học cơ bản	Không	60.5		60.5
20	Nguyễn Lâm Minh Đăng	18/12/1989	Nam	Kinh	Trà Vinh	Giảng viên	Bộ môn Giáo dục thể chất, Khoa khoa học cơ bản	Không	79.2		79.2
21	Kha Hồng Như	06/11/1998	Nam	Hoa	Sóc trăng	Giảng viên	Bộ môn Giáo dục thể chất, Khoa khoa học cơ bản	Dân tộc: Hoa			Vắng
22	Lưu Khánh Linh	12/10/1996	Nữ	Kinh	Cần Thơ	Giảng viên	Bộ môn Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm, Khoa Y tế công cộng	Không	75.8		75.8
23	Lục Thủy Tiên	25/05/1998	Nữ	Kinh	Trà Vinh	Trợ giảng	Bộ môn Truyền Nhiễm, Khoa Y	Không	37.5		37.5
24	Phạm Minh Chiến	05/02/1996	Nam	Kinh	Vĩnh Long	Trợ giảng	Bộ môn Ung bướu, Khoa Y	không	74.0		74.0
25	Võ Văn Phúc Toàn	25/10/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	Trợ giảng	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình, Khoa Y	Không	60.6		60.6
26	Võ Hoàng Tuấn	08/01/1994	Nam	Kinh	Vĩnh Long	Trợ giảng	Bộ môn Chấn thương chỉnh hình, Khoa Y	không	74.0		74.0
27	Dương Trần Thiên Phúc	28/9/1999	Nam	Kinh	Cần Thơ	Trợ giảng	Bộ môn Sinh lý, Khoa Y	Không	76.2		76.2
28	Nguyễn Đức Toàn	15/07/1999	Nam	Kinh	Kiên Giang	Trợ giảng	Bộ môn Sinh lý, Khoa Y	Không	79.4		79.4
29	Ngô Văn Chúa	01/01/1985	Nam	Kinh	Sóc Trăng	Trợ giảng	Bộ môn Điều dưỡng đa khoa hệ Ngoại - Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y học	Không	44.6		44.6
30	Nguyễn Thị Xuân Huỳnh	19/02/2001	Nữ	Kinh	Cần Thơ	Trợ giảng	Bộ môn Điều dưỡng đa khoa hệ Ngoại - Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y học	Không	40.4		40.4
31	Trịnh Xuân Thủy	28/06/1994	Nữ	Kinh	Thanh Hoá	Giảng viên	Bộ môn Điều dưỡng đa khoa hệ Ngoại - Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật Y học	Không	73.6		73.6
32	Nguyễn Võ Uy Phong	23/7/1978	Nam	Kinh	TPHCM	Chuyên viên	Văn phòng Khoa Điều dưỡng và kỹ thuật y học	Không			Vắng
33	Đoàn Kim Thìn	09/05/1999	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Chuyên viên	Văn phòng Khoa Điều dưỡng và kỹ thuật y học	Không	73.5		73.5
34	Đặng Ngọc Yến Vy	02/07/2000	Nữ	Kinh	Cần Thơ	Chuyên viên	Văn phòng Khoa Điều dưỡng và kỹ thuật y học	Không	40.5		40.5

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	CDNN	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm TB	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
35	Nguyễn Thúy Vy	07/07/2001	Nữ	Kinh	Cà Mau	Chuyên viên	Văn phòng Khoa Điều dưỡng và kỹ thuật y học	Không	40.3		40.3
36	Nguyễn Thị Xuân	11/06/1989	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Chuyên viên	Văn phòng Khoa Điều dưỡng và kỹ thuật y học	Không	45.0		45.0
37	Nguyễn Thị Hồng Diệu	02/12/1988	Nữ	Kinh	Nam Định	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không			Vắng
38	Huỳnh Hải Đăng	13/01/1996	Nam	Kinh	Sóc Trăng	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không	65.3		65.3
39	Dương Bửu Đường	09/06/1989	Nam	Kinh	Vĩnh Long	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không			Vắng
40	Vũ Hương Giang	06/08/2000	Nữ	Kinh	Cần Thơ	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không	44.5		44.5
41	Hứa Duy Khánh	24/10/2000	Nam	KINH	Cà Mau	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không			Vắng
42	Trần Thanh Ngọc Thanh Loan	12/08/1988	Nữ	Kinh	Hậu Giang	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không	44.3		44.3
43	Võ Hùng Hoàng Phi	04/01/1989	Nam	Kinh	Tiền Giang	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không			Vắng
44	Trần Hoàng Thúy Phương	27/01/1996	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không	74.0		74.0
45	Trần Văn Quang	02/9/1993	Nam	Kinh	Bạc Liêu	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không	44.3		44.3
46	Lại Thị Thảo Quyên	18/4/2000	Nữ	Kinh	Sóc Trăng	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	không	40.0		40.0
47	Nguyễn Thị Tiến	20/03/2001	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không	41.3		41.3
48	Trần Văn Toán	01/01/1998	Nam	Kinh	Bạc Liêu	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không	40.5		40.5
49	Châu Phước Thuấn	07/09/1982	Nam	KINH	Vĩnh Long	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	không	20.3		20.3
50	Lê Nguyễn Huyền Trân	29/03/1998	Nữ	Kinh	Hậu Giang	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không			Vắng
51	Trần Thị Việt Trinh		Nữ	Kinh	Kiên Giang	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không			Vắng
52	Trần Văn Trọng	24/11/2000	Nam	Kinh	Cà Mau	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy	Không			Vắng
53	Đặng Phương Anh	03/01/1999	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	Trợ giảng	Bộ môn Mắt, Khoa Y	Không	80.3		80.3
54	Huỳnh Gia Bảo	11/07/1999	Nam	Kinh	Hậu Giang	Trợ giảng	Bộ môn Mắt, Khoa Y	Không			Vắng
55	Nguyễn Thanh Liệt	01/05/1979	Nam	Kinh	Vĩnh Long	Giảng viên	Bộ môn Mắt, Khoa Y	Không	50.3		50.3
56	Đinh Thị Hồng Phúc	23/05/1999	Nữ	Kinh	Vĩnh Long	Trợ giảng	Bộ môn Mắt, Khoa Y	Không	59.7		59.7
57	Phan Hoàng Phúc	04/06/1993	Nam	Kinh	Vĩnh Long	Giảng viên	Bộ môn Mắt, Khoa Y	Không	70.8		70.8

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	CDNN	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm TB	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
58	Nguyễn Thị Mỹ Liên	14/10/1999	Nữ	Kinh	Đồng Tháp.	Trợ giảng	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	Không	80.2		80.2
59	Trương Minh Ánh Mai	11/06/1999	Nữ	Kinh	Hậu Giang	Trợ giảng	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	Không	80.3		80.3
60	Lý Gia Ngân	18/11/1999	Nữ	Hoa	Sóc Trăng	Trợ giảng	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	Dân Tộc Hoa			Vắng
61	Trần Hoàng Phương	21/10/1999	Nam	Kinh	An Giang	Trợ giảng	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	Không	71.5		71.5
62	Lê Cẩm Tiên	04/10/1996	Nữ	Kinh	Trà Vinh	Trợ giảng	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	Không			Vắng
63	Hồ Nguyễn Thanh Trà	26/09/1999	Nữ	Kinh	Long An	Trợ giảng	Bộ môn Phục hồi chức năng, Khoa Y	Không	61.2		61.2
64	Bùi Thị Bích Tuyền	13/02/1999	Nữ	Kinh	An Giang	Trợ giảng	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Khoa Y	Không			Vắng
65	Lương Thị Minh Trang	30/09/1998	Nữ	Kinh	Cần Thơ	Trợ giảng	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Khoa Y	Không	75.7		75.7
66	Liêu Huyền Ân	01/07/1996	Nam	Kinh	Long an	Trợ giảng	Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp Y, Khoa Y	Không	74.7		74.7
67	Danh Nguyễn Kim Dung	12/05/1996	Nữ	Khmer	Kiên Giang	Trợ giảng	Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp Y, Khoa Y	Khmer			Vắng
68	Lê Thị Hồng Đào	11/05/1999	Nữ	Kinh	Vĩnh Long	Trợ giảng	Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp Y, Khoa Y	Không	50.0		50.0
69	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/06/1999	Nữ	Kinh	Cần Thơ	Trợ giảng	Bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp Y, Khoa Y	Không	50.2		50.2
70	Huỳnh Nhật Duy	16/06/1999	Nam	Kinh	Vĩnh Long	Trợ giảng	Bộ môn Thần kinh, Khoa Y	Không	77.4		77.4
71	Lâm Tiên Uyên	30/09/1993	Nữ	Kinh	Hậu Giang	Trợ giảng	Bộ môn Thần kinh, Khoa Y	không	80.6		80.6
72	Huỳnh Thị Mỹ Hậu	05/12/1996	Nữ	Kinh	An Giang	Kỹ thuật viên	Bộ môn Y học cổ truyền	Không có	40.5		40.5
73	Hồ Hải Trân	05/03/1979	Nam	Kinh	Đồng Tháp	Kỹ thuật viên	Bộ môn Y học cổ truyền	Không	35.3		35.3
74	Dương Diễm Ái	14/07/1998	Nữ	Hoa	Cần Thơ	Trợ giảng	Bộ môn Y học cổ truyền (Phân môn Bệnh học)	Dân tộc Hoa	80.2	5	85.2
75	Phạm Bá Điền	13/09/1999	Nam	Kinh	An Giang	Trợ giảng	Bộ môn Y học cổ truyền (Phân môn Bệnh học)	Không	53.4		53.4
76	Trần Lê Trang Hạ	08/12/1995	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Trợ giảng	Bộ môn Y học cổ truyền (Phân môn Bệnh học)	không	39.8		39.8
77	Nguyễn Hà Diễm My	13/03/1999	Nữ	Kinh	Tiền Giang	Trợ giảng	Bộ môn Y học cổ truyền (Phân môn Bệnh học)	Con bệnh binh			Vắng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	CDNN	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm TB	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
78	Huỳnh Thị Bảo Trân	11/07/1993	Nữ	Kinh	Hậu Giang	Trợ giảng	Bộ môn Y học cổ truyền (Phân môn Bệnh học)	Không	63.2		63.2
79	Đặng Tiến Đăng Khoa	29/04/1998	Nam	Kinh	Sóc Trăng	Trợ giảng	Bộ môn Y học cổ truyền (Phân môn Y lý cổ truyền)	Không	62.8		62.8
80	Đỗ Quốc Từ	18/05/1999	Nam	Kinh	Bình Thuận	Trợ giảng	Bộ môn Y học cổ truyền (Phân môn Y lý cổ truyền)	Không	45.0		45.0
81	Lê Nguyễn Thùy Dương	02/10/1996	Nữ	Kinh	Bến Tre	Trợ giảng	Liên Bộ môn Bệnh học miệng - Nha chu, Khoa Răng Hàm Mặt	không	75.4		75.4
82	Lý Khả Thanh	08/10/1995	Nữ	Kinh	An Giang	Trợ giảng	Liên Bộ môn Bệnh học miệng - Nha chu, Khoa Răng Hàm Mặt	Không	60.6		60.6
83	Lê Quan Liêu	01/01/1994	Nam	Kinh	Hậu Giang	Giảng viên	Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng, Khoa Răng Hàm Mặt	Không	65.0		65.0
84	Huỳnh Hửu Trang Thanh	17/04/1998	Nữ	Kinh	Thừa Thiên Huế	Trợ giảng	Liên bộ môn Nha cơ sở - Nha công cộng, Khoa Răng Hàm Mặt	Không	75.6		75.6
85	Nguyễn Thị Lan Anh	20/12/1999	Nữ	Kinh	Hậu Giang	Trợ giảng	Bộ môn Nhi, Khoa Y	Không	55.4		55.4
86	Nguyễn Đình Nguyên Chương	23/06/1998	Nam	Kinh	Tiền Giang	Trợ giảng	Bộ môn Nhi, Khoa Y	Không	65.8		65.8
87	Lê Hoàng Mỹ	12/07/1997	Nam	Kinh	Sóc Trăng	Trợ giảng	Bộ môn Nhi, Khoa Y	Không	75.0		75.0
88	Phạm Nguyễn Kiều Anh	12/02/1994	Nữ	Kinh	An Giang	Trợ giảng	Bộ môn Nội, Khoa Y	không	45.0		45.0
89	Trần Nguyên Minh Khoa	31/07/1999	Nam	Hoa	Sóc Trăng	Trợ giảng	Bộ môn Nội, Khoa Y	Dân Tộc Hoa	43.8	5	48.8
90	Triệu Mỹ Trinh	28/12/1999	Nữ	Kinh	Bạc Liêu	Trợ giảng	Bộ môn Nội, Khoa Y	Không			Vắng